

Số: 01/KL-TTr

Kon Rẫy, ngày 12 tháng 01 năm 2022

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về ngân sách, kế toán, quản lý, sử dụng kinh phí được ngân sách nhà nước giao hàng năm chi cho hoạt động thường xuyên, chi đầu tư mua sắm tài sản tại đơn vị và các nguồn vốn khác đơn vị được giao thực hiện; công tác quản lý sử dụng tài sản công tại Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Kon Rẫy

Thực hiện Quyết định thanh tra số 08/QĐ-TTr ngày 25/10/2021 của Chánh Thanh tra huyện Kon Rẫy về Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về ngân sách, kế toán, quản lý, sử dụng kinh phí được ngân sách nhà nước giao hàng năm chi cho hoạt động thường xuyên, chi đầu tư mua sắm tài sản tại đơn vị và các nguồn vốn khác đơn vị được giao thực hiện; công tác quản lý sử dụng tài sản công tại Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Kon Rẫy. Thời kỳ thanh tra từ năm 2019 đến năm 2020.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra tại Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Kon Rẫy, ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Trưởng đoàn thanh tra,

Chánh Thanh tra huyện Kon Rẫy Kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG.

Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Kon Rẫy được thành lập theo Quyết định số 08/QĐ-UBND, ngày 04/01/2019 của UBND tỉnh Kon Tum “Thành lập Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Kon Rẫy” trên cơ sở hợp nhất Trạm Chăn nuôi và Thú y, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Trạm Khuyến nông huyện Kon Rẫy; Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Kon Rẫy là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện; có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, kinh phí hoạt động do Ngân sách Nhà nước cấp theo quy định của pháp luật; chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp về tổ chức, biên chế và hoạt động của UBND huyện, đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, kỹ thuật của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum và các cơ quan có thẩm quyền.

Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện chính thức đi vào hoạt động từ tháng 01/2019, với tổng số biên chế cán bộ, viên chức trong đơn vị là: 06 người, gồm: 01 Giám đốc và 05 viên chức sự nghiệp.

Hàng năm, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện được ngân sách huyện giao kinh phí hoạt động theo định mức biên chế sự nghiệp và các khoản kinh phí chi sự nghiệp theo từng nội dung, mục tiêu cụ thể, đơn vị sử dụng nguồn thu (được

giao trong dự toán đầu năm) để bổ sung chi theo định mức được giao; ngoài ra đơn vị còn hợp đồng với các Phòng chuyên môn trực thuộc UBND huyện để thực hiện các dịch vụ về nông nghiệp.

Quá trình tiến hành thanh tra, Đoàn thanh tra đã kiểm tra thực tế trên hồ sơ, tài liệu kế toán, kiểm tra việc lập chứng từ, nguyên tắc kế toán, tính hợp lý, hợp lệ, hợp pháp theo quy định trên toàn bộ chứng từ kế toán; tiến hành làm việc với đơn vị, cá nhân có liên quan và yêu cầu cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến nội dung thanh tra; tập hợp đầy đủ các số liệu để chứng minh làm rõ nội dung thanh tra.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH.

1. Quản lý, sử dụng thu, chi tài chính được ngân sách Nhà nước giao tại đơn vị

a. Số liệu quyết toán thu, chi tài chính năm 2019 và năm 2020 thể hiện qua bảng số liệu dưới đây:

* Số liệu nguồn kinh phí ngân sách huyện giao

Năm 2019

TT	Nội dung thu, chi	Dự toán được giao	Đã chi đề nghị quyết toán	Ghi chú
	Tổng các nguồn kinh phí được giao	737.674.000	737.674.000	
I	Kinh phí thu từ dịch vụ	13.041.000	13.041.000	
	Thu phí kiểm soát giết mổ động vật	13.041.000	13.041.000	Nộp NSNN: 1.304.100
II	Chi hoạt động bộ máy	724.633.000	724.633.000	
1	Chi trong định mức	411.128.000	411.128.000	
	<i>Trong đó</i>			
	Chi thường xuyên (nguồn 12)	393.373.870	393.373.870	
	Chi thường xuyên (nguồn 13)	16.256.530	16.256.530	
	Chi nguồn cải cách tiền lương (nguồn 14)	1.497.600	1.497.600	
2	Chi ngoài định mức	313.505.000	313.505.000	
	<i>Trong đó</i>			
	Chi mua phần mềm kế toán và làm hệ thống nước sinh hoạt	21.400.000	21.400.000	

Hỗ trợ cán bộ trực chốt kiểm dịch tại xã Đăk Kôi và mua vôi bột chống dịch tả lợn Châu phi	48.100.000	48.100.000	
Hỗ trợ người chăn nuôi phòng chống dịch bệnh Châu phi	56.605.000	56.605.000	
Hỗ trợ cán bộ phòng chống dịch bệnh Châu phi	120.200.000	120.200.000	
Tiền công vệ sinh, tiêu độc khử trùng phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm đợt II năm 2018 và đợt I năm 2019	67.200.000	67.200.000	

Năm 2020

TT	Nội dung thu, chi	Dự toán được giao	Đã chi đề nghị quyết toán	Ghi chú
	Tổng các nguồn k.phí được giao	1.217.974.000	1.216.123.800	
I	Kinh phí thu từ dịch vụ	15.000.000	15.001.000	
	Thu phí kiểm soát giết mổ động vật	15.000.000	15.001.000	Nộp 100% vào NSNN
II	Chi hoạt động bộ máy	1.022.374.000	1.020.522.800	
1	Chi trong định mức	585.378.000	584.638.800	
	<i>Trong đó</i>			
	Chi thường xuyên (nguồn 13)	488.676.000	488.676.000	
	Chi nguồn cải cách tiền lương (nguồn 14)	96.702.000	95.962.800	
2	Chi ngoài định mức	436.996.000	435.884.000	
	<i>Trong đó</i>			
	Chi giám sát tiêm phòng	18.900.000	18.900.000	
	Chi công tác kiểm soát giết mổ gia súc	13.500.000	13.500.000	
	Chi phí vận chuyển vắc xin, hóa chất	13.500.000	13.500.000	

	Gia hạn phần mềm kế toán	4.000.000	4.000.000	
	Mua phần mềm quản lý tài sản	9.000.000	8.000.000	
	Mua 3 bộ máy vi tính, 1 máy in, 1 máy Scan	33.300.000	33.300.000	
	Mua 2 tủ hồ sơ	9.000.000	9.000.000	
	Bộ bàn ghế làm việc phòng giám đốc	4.500.000	4.500.000	
	Bộ bàn ghế tiếp khách	6.300.000	6.300.000	
	Hỗ trợ KP tiêm vắc xin và phun thuốc khử trùng tiêu độc năm 2019 cho các xã	172.000.000	171.888.000	
	Kinh phí phun thuốc khử trùng tiêu độc	33.600.000	33.600.000	
	Kinh phí thực hiện QĐ 99-QĐ/TW	8.100.000	8.100.000	
	Kinh phí tiêm vắc xin định kỳ cho đàn lợn đợt 1/2020	7.100.000	7.100.000	
	Kinh phí phòng chống dịch bệnh, tiền công tiêm vắc xin năm 2020	96.496.000	96.496.000	
	Kinh phí tiêm vắc xin định kỳ cho đàn lợn đợt 2/2020 và cúm gia cầm	7.700.000	7.700.000	
III	Chi sự nghiệp kinh tế	63.000.000	63.000.000	
	<i>Trong đó</i>			
	Dự án nâng cao chất lượng đàn bò	45.000.000	45.000.000	
	Kiểm tra công tác phòng chống dịch bệnh	18.000.000	18.000.000	
IV	Các khoản thu, chi từ các hợp đồng dịch vụ	117.600.000	117.600.000	
	<i>Trong đó</i>			
	Mô hình trồng thử nghiệm cây sâm dây tại xã Đăk Pnê	117.600.000	117.600.000	

b. Về công tác kế toán

*** Qua kiểm tra chứng từ, sổ sách kế toán và báo cáo tài chính, quyết toán nhận thấy:**

Nhìn chung đơn vị chấp hành tốt theo quy định hiện hành của Luật ngân sách, Luật kế toán; mở sổ sách kế toán theo quy định, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đầy đủ, kịp thời; hồ sơ chứng từ được lưu trữ gọn gàng. Đơn vị sử dụng phần mềm kế toán Misa, sổ sách được theo dõi, phản ánh trên hệ thống phần mềm.

Bên cạnh những ưu điểm, qua kiểm tra nhận thấy tại đơn vị còn có một số thiếu sót, đó là:

- Một số chứng từ kế toán ngày, tháng trên chứng từ chưa phù hợp; một số giấy đề xuất mua sắm chưa được ký duyệt hoặc thiếu chữ ký của người đề xuất; một số bảng giao nhận vật tư, văn phòng phẩm ký nhận chưa đầy đủ; có một số chứng từ thiếu chứng từ trung gian để đảm bảo hợp lệ hơn khi thanh toán như: biên bản kiểm tra tình hình dịch bệnh đàn heo, biên bản tiêu hủy đàn heo, kế hoạch triển khai tập huấn và tài liệu tập huấn, bảng phân công nhiệm vụ

- Còn thiếu một số sổ kế toán chi tiết chưa được in ra để lưu trữ như sổ tiền gửi, sổ chi tiết các tài khoản.

** Tại báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước khu vực XII kiểm toán ngân sách huyện năm 2020 đã phát hiện giao thừa kinh phí tại Trung tâm DVNN huyện: giao thừa lương do tính sai số học số tiền 4.200.000 đồng, đã kiến nghị giảm trừ dự toán năm sau.*

2. Về thực hiện các khoản kinh phí phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm

Hàng năm, đơn vị được giao các khoản kinh phí để thực hiện tiêm phòng, chống dịch cho đàn gia súc, gia cầm và phòng chống các bệnh dịch gia súc khác như bệnh dại. Qua kiểm tra hồ sơ chứng từ cho thấy đơn vị thực hiện đúng, đầy đủ tiền công tiêm và các chi phí khác theo quy định.

3. Về thực hiện các gói mua sắm trang thiết bị

Trong năm 2019 và năm 2020 Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp được giao kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động đơn vị, cụ thể như sau:

- Mua 3 bộ máy vi tính, 01 máy in, 01 máy Scan; Mua 02 tủ hồ sơ; 01 bộ bàn ghế làm việc phòng Giám đốc; 01 bộ bàn ghế tiếp khách.

- Mua phần mềm quản lý tài sản; mua, gia hạn phần mềm kế toán

*** Đánh giá chung:**

Qua kiểm tra hồ sơ cho thấy đơn vị đã chấp hành tốt các quy định về mua tài sản, chấp hành tốt quy trình nghiệm thu, thanh toán. Kiểm tra thực tế cho thấy có đầy đủ số lượng và đúng chủng loại theo hợp đồng mua sắm.

4. Việc quản lý tài sản công do đơn vị quản lý.

Đơn vị đã sử dụng phần mềm quản lý tài sản để theo dõi, quản lý tài sản công của đơn vị. Cuối kỳ kế toán năm, đơn vị có tiến hành kiểm kê tài sản theo quy định của Luật kế toán; tuy nhiên, đơn vị chưa kịp thời làm thủ tục xin thanh lý đối với TSCĐ đã khấu hao hết và không còn sử dụng được.

III. KẾT LUẬN VỀ NHỮNG NỘI DUNG ĐÃ TIẾN HÀNH THANH TRA

1. Ưu điểm.

Qua kiểm tra hồ sơ, tài liệu kế toán năm 2019 và năm 2020, Đoàn thanh tra nhận thấy Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp cơ bản đã chấp hành đầy đủ các quy định về quản lý, sử dụng tài chính theo Luật Ngân sách, Luật Kế toán quy định; thực hiện tốt chế độ công khai các hoạt động tại đơn vị; xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Kinh phí được giao theo từng mục tiêu, nhiệm vụ đã được sử dụng đúng mục đích có tiết kiệm, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

Đơn vị đã mở đầy đủ các loại sổ sách kế toán trên phần mềm kế toán Misa, phản ánh kịp thời, đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đối chiếu số liệu, khóa sổ kế toán đúng quy định vào cuối niên độ kế toán; hồ sơ, tài liệu kế toán được lập, lưu trữ gọn gàng; công tác chi tiêu tài chính thực hiện thanh toán kịp thời các chế độ liên quan trực tiếp cho viên chức, người lao động của đơn vị. Đơn vị sử dụng phần mềm kế toán MISA vào thực hiện nghiệp vụ kế toán, từ đó công tác hạch toán kế toán, theo dõi, phản ánh số liệu trên hệ thống sổ sách kế toán có tính đồng bộ và hoàn thiện, thanh toán, quyết toán, báo cáo tài chính theo chế độ quy định.

2. Khuyết điểm.

Bên cạnh những ưu điểm, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp vẫn còn những tồn tại, hạn chế, cụ thể:

- Trong Quy chế chi tiêu nội bộ, đơn vị quy định trích các quỹ chưa đảm bảo theo tỷ lệ quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP (*Quy chế chi tiêu nội bộ quy định tỷ lệ trích quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp 5%*).

- Về lập chứng từ kế toán, hạch toán và mở sổ sách kế toán: Một số chứng từ kế toán tính hợp lệ chưa cao (*được nêu cụ thể tại Điểm b, Khoản 1, Mục II kết luận này*); Một số sổ kế toán chưa được in ra để lưu trữ.

- Đơn vị chưa kịp thời làm thủ tục xin thanh lý đối với TSCĐ đã khấu hao hết và không còn sử dụng được.

3. Trách nhiệm.

Những thiếu sót nêu trên trách nhiệm chính thuộc về các cá nhân: đồng chí kế toán trong công tác tham mưu, kiểm tra, kiểm soát hồ sơ, tài liệu kế toán chưa phát hiện thiếu sót để tự điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện trước khi trình chủ tài khoản phê duyệt; các đồng chí viên chức phụ trách từng lĩnh vực khi thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao lập chứng từ gốc để thanh toán chưa phối hợp chặt

chế với kế toán để được hướng dẫn cụ thể; công tác tự kiểm tra về tài chính nội bộ và quản lý tài sản công của đồng chí Giám đốc - chủ tài khoản Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp chưa chặt chẽ, nên chưa kịp thời phát hiện những thiếu sót để chỉ đạo bổ sung, điều chỉnh nhằm giúp cho công tác quản lý, điều hành được tốt hơn.

IV. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ.

1. Đối với Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp.

- Nghiên cứu các văn bản quy định có liên quan đến chế độ quản lý tài chính để sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp.

- Chỉ đạo kế toán đơn vị hoàn thiện hồ sơ, tài liệu, sổ sách kế toán còn hạn chế, thiếu sót mà Đoàn Thanh tra đã chỉ ra trong quá trình thanh tra.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Kết luận này và khắc phục những hạn chế, khuyết điểm được chỉ ra tại Khoản 2, Mục III của Kết luận thanh tra.

2. Về công khai kết luận thanh tra: Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thực hiện việc công khai kết luận thanh tra tại Trụ sở làm việc theo quy định tại Điều 39 Luật thanh tra và Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP.

3. Thực hiện Kết luận thanh tra

Khi nhận được Kết luận thanh tra, đề nghị Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp chỉ đạo tổ chức thực hiện đảm bảo theo quy định tại Điều 10, 11 và 12, Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ Quy định việc thực hiện Kết luận thanh tra.

Thời hạn thực hiện các nội dung trên là 45 ngày, kể từ ngày nhận được Kết luận thanh tra; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp có trách nhiệm báo cáo việc thực hiện kết luận thanh tra gửi về Thanh tra huyện theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ Quy định việc thực hiện Kết luận thanh tra.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh Kon Tum;
- UBND huyện Kon Rẫy;
- Chủ tịch UBND huyện Kon Rẫy;
- UBKT Huyện ủy Kon Rẫy;
- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp;
- Trung tâm VH-TT-DL&TT huyện (đăng trên trang thông tin điện tử);
- Lưu: Thanh tra; Hồ sơ đoàn thanh tra.

CHÁNH THANH TRA



Cao Xuân Tân